

Số: 128/2026/QĐST-HNGĐ

Sơn La, ngày 16 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 181/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2026 về việc xin ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Vì Văn T, sinh ngày 05/8/1998. Số căn cước công dân: 0140. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Bản Chi, xã P, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Chị Hà Thị T1, sinh ngày 19/9/2002. Số căn cước công dân: 0143. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi ở: Bản Chi, xã P, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh V Văn T và chị Hà Thị T1.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về tình cảm: Anh Vì Văn T và chị Hà Thị T1 thống nhất thuận tình ly hôn.
 - Về con chung: Anh Vì Văn T và chị Hà Thị T1 có 01 con chung là cháu Vì Minh Đ, sinh ngày 21/10/2023.

Anh T2, chị T1 thống nhất giao cháu Đ cho anh T2 trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động) hoặc đến

khi có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Chị T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T2.

Anh T2, chị T1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, chị T1 được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền cản trở chị thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

c. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Anh Vì Văn T và chị Hà Thị T1 xác nhận không có tài sản chung, nợ chung và không đề nghị Tòa án giải quyết.

d. Về án phí: Anh Vì Văn T và chị Hà Thị T1 được miễn toàn bộ án phí xin ly hôn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 4;
- Phòng THADS khu vực 4;
- UBND xã Phiêng Păn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Phương Thúy